

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 168/2022/DS-PT

Ngày: 13/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Tấn Tài

Ông Thái Văn Chấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chu Xuân Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang** tham gia phiên tòa:  
Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C., tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé T., sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 314, tổ 8, ấp H., xã P., thị xã C., tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Bé N., sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 8, ấp H., xã P., thị xã C., tỉnh An Giang (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Bé N..

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Bé T. trình bày:*

Bà có tham gia chơi hui do bà Bé N. làm chủ, 01 dây hui 3.000.000 đồng, hui 10 ngày khai một lần, khởi sự khai ngày 26/01/2021, hui gồm 70 phần, bà vào 02 phần. Hui khai đến lần thứ 30 thì ngưng, bà chầu được 30 lần, số tiền vốn và lãi hui là 180.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 2 phần x 30 lần). Sau khi ngưng

hụi bà Bé N. xin trả vốn với số tiền là 125.400.000 đồng và bà Bé N. có trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng, còn lại 120.400.000 đồng thì ngưng luôn cho đến nay. Theo đơn khởi kiện thì bà Nguyễn Thị Bé T. yêu cầu bà Bé N. có trách nhiệm thanh toán cho bà dứt điểm một lần số tiền nợ là 175.000.000 đồng. Nhưng trong quá trình hoà giải và tại phiên toà, bà Bé T. đồng ý cho lãi hụi bà Bé N. và yêu cầu nhận lại tiền vốn hụi mà bà đã châu cho bà Bé N. còn lại là 120.400.000 đồng.

*Bị đơn bà Nguyễn Bé N. trình bày:*

Bà có làm chủ dây hụi 3.000.000 đồng, khởi sự ngày 26/01/2021 âl, 10 ngày khui một lần, tổng số gồm 70 phần, bà Bé T. vào 02 phần, hụi ăn huê hồng là 1.200.000 đồng. Hụi khui đến lần thứ 30 thì do dịch bệnh, các hụi viên khác không có tiền châu hụi cho bà, làm cho bà mất khả năng giao hụi nên bà mới ngưng hụi và kêu các hụi viên khác đến để thương lượng. Trong đó có bà Bé T., giữa bà và bà T. thương lượng mỗi tháng bà trả cho bà T. 3.000.000 đồng trên số nợ vốn là 125.400.000 đồng, bà T. không đồng ý và kêu bà đưa 5.000.000 đồng trước, còn lại tính sau. Bà đã đưa cho bà T. 5.000.000 đồng vào ngày 15/12/2021 âl, nhưng sau đó vợ chồng bà T. chặn đường hăm dọa đánh bà và yêu cầu bà phải trả ngay một lần. Nay bà thừa nhận còn nợ tiền hụi bà Bé T. là 120.400.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả mỗi tháng cho bà Bé T. là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 120.400.000 đồng.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã C. tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Bé N. phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé T. số tiền 120.400.000 đồng và buộc bà Nguyễn Bé N. phải chịu 6.020.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử, ngày 29/6/2022 bà Nguyễn Bé N. có đơn kháng cáo xin xem xét miễn giảm án phí dân sự.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T.:* Có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

*Bị đơn bà Nguyễn Bé N.:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin miễn giảm án phí vì hiện tại bà đã lớn tuổi, có bệnh trong người, không có nguồn thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn và xin Hội đồng xét xử xem xét được trả dần số tiền hụi còn nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về yêu cầu kháng cáo: Bà N. kháng cáo yêu cầu được miễn giảm án phí dân sự với lý do có tuổi, có bệnh, không có nguồn thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên những lý do bà đưa ra không đủ điều kiện để miễn giảm án phí theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên không có căn cứ chấp nhận miễn giảm tiền án phí dân sự cho bà Bé N.. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bà Nguyễn Bé N. kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T. có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T. và bà Nguyễn Bé N. thống nhất bà Bé T. có tham gia 02 phần hội do bà Bé N. làm chủ hội, hội khai đến lần thứ 30 thì bà Bé N. tuyên bố vỡ hội nên bà Bé T. khởi kiện để yêu cầu trả lại số tiền hội đã đóng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hội” là đúng quy định của pháp luật.

[2.] Về nội dung: Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất với nhau về số tiền hội bị đơn còn nợ nguyên đơn là 120.400.000 đồng. Đây là chứng cứ có thật và được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh (Theo điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015). Tuy nhiên, bà Bé N. cho rằng hoàn cảnh kinh tế của bà hiện nay đang gặp khó khăn, bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà Bé T. đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trả dần của bà Bé N.; buộc bà Bé N. phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé T. số tiền hội là 120.400.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

#### *[3.] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Bé N.:*

Bà Bé N. kháng cáo cho rằng bà đã có tuổi (59 tuổi), trong người có bệnh, không có nguồn thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn và cung cấp cho Tòa án đơn xin miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm có xác nhận của địa phương tuy nhiên không thuộc trường hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo. Như vậy, đối chiếu với quy định của pháp luật thì những lý do bà đưa ra không thuộc trường hợp để được miễn, giảm án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận miễn giảm tiền án phí dân sự cho bà.

[4] Từ những phân tích trên cho thấy, cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T. là có căn cứ. Bị đơn bà Nguyễn Bé N. kháng cáo nhưng tại phiên tòa hôm nay cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Bé N. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lễ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Bé N.. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C., tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, họ, họ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.. Buộc bà Nguyễn Bé N. phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé T. số tiền 120.400.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

## 2. Về án phí:

### 2.1. Dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Bé N. phải chịu 6.020.000 đồng (Sáu triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bé T. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé T. số tiền 4.375.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006358 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C..

## 2.2. Dân sự phức tạp:

Bà Nguyễn Bé N. phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005293 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “Để thi hành”;
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hồng**